

Bản án số: 13/2023/HNGĐ.
Ngày: 06/7/2023
(V/v Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa và ông Đỗ Quốc Kỳ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985, Có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1990; Có mặt

Cùng cư trú tại: Xóm Ph, xã Thạch Y, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 01 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Bùi Thị N đăng ký kết hôn ngày 15/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Th (nay là Ủy ban nhân dân xã Thạch Y) huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng về sống với gia đình nhà chồng được khoảng 1 năm. Sau đó ra ở riêng tại Xóm Ph, xã Thạch Y, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 12 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi phát hiện vợ tôi là chị Bùi Thị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, không còn tình cảm vợ chồng nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Bùi Trung H, sinh ngày 25/02/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn tôi có nguyện vọng muốn được nuôi con và chưa yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về thời điểm đăng ký kết hôn, cơ bản giống như lời trình bày của anh T. Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tôi đi làm ăn xa, khi về, anh T không cho vào nhà, đuổi đánh tôi. Hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn quan điểm của tôi không đồng ý vì tôi không muốn tan nát gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Bùi Trung H, sinh ngày 25/02/2011. Hiện nay hai cháu đang sống với anh T sức khỏe phát triển bình thường, nguyện vọng của tôi muốn được nuôi con nhưng không đủ điều kiện, nhưng vẫn muốn ở gần con, nên tôi đồng ý để anh T nuôi cả hai con. Tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị N cho thấy:

Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị N có đăng ký kết năm ngày 15/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Th (nay là Ủy ban nhân dân xã Thạch Y) huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại Xóm Ph, xã Thạch Y, huyện Cao Ph. Về mâu thuẫn vợ chồng, xác minh qua làng xóm láng giềng và gia đình được biết: Trước đây vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, kể từ khi chị N đi làm ăn xa nhà thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T cho rằng vợ đi làm ăn xa không quan tâm đến chồng và có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng hay cãi nhau.

Vợ chồng anh T, chị N có hai con chung hiện nay đang sống cùng anh T. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ và chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Bùi Trung H, sinh ngày 25/02/2011 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L, cháu H đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn anh Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Bùi Thị N; cư trú tại: Xóm Ph, xã Thạch Y, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị N là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Th (nay là Ủy ban nhân dân xã Thạch Y) huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có nghi ngờ chị N đi làm ăn xa có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cũng như hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ. Tuy nhiên anh T và chị N vẫn sống ly thân, chị N muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng cũng không có giải pháp nào cải thiện được tình cảm vợ chồng. Bản thân anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Anh T, chị N có hai con chung cháu Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Bùi Trung H, sinh ngày 25/02/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn nguyện vọng của anh T muốn được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L và cháu H đang sống với anh T phát triển tốt, chị N không nuôi được con. Hơn nữa căn cứ vào nguyện vọng của con thì cháu L và cháu H đều có nguyện vọng muốn được ở với anh Bùi Văn T. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý cũng như đảm bảo về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bùi Thị Khánh L và cháu Bùi Trung H cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu H đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng anh T chưa yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về công nợ chung: Các đương sự không nợ các tổ chức và cá nhân nào khác.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Văn T

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị N.

2.1 Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Bùi Trung H, sinh ngày 25/02/2011 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L, cháu H đủ 18 tuổi. Anh T chưa yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên chị N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

2.2 Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về công nợ chung: Các đương sự không nợ các tổ chức tín dụng và cá nhân nào khác.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình theo biên lai thu số 0001867 ngày 15 tháng 02 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Ph
- Chi cục THADS huyện Cao Ph
- UBND xã Thạch Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Thị Hiền
